

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA
ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân

2. Bà Trần Thị Quế Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1987 (có đơn xin xét xử mặt)

Nơi cư trú: Số 330, tổ 17, ấp Tân Th, xã Vĩnh Th, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh T , sinh năm: 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Trung Phú 2, xã Vĩnh Ph, huyện Thoại S, tỉnh An Giang.

Hiện tạm trú: số 298, tổ 02, ấp Hòa L 2, xã Vĩnh L, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 21/02/2022 và trong quá trình tổ tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Giữa chị với anh T kết hôn năm 2013, hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới năm 2013 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang số 54/2014 quyển số 01/2014 ngày

09/6/2014. Sau khi cưới, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, xúc phạm nhau. Đến tháng 02 năm 2019 chị và anh T ly thân nhau cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T vì không còn tình cảm.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hữu Tài, sinh ngày 11/4/2014. Hiện cháu Tài do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định pháp luật

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, tự thỏa thuận

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T tại văn bản trình bày ý kiến ngày 08/8/2022: anh và chị C kết hôn ngày 30/3/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Giữa anh chị hiện nay đã ly thân nhau và vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được.

- Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Hữu Tài sinh tháng 4/2014. Anh đồng ý giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, nhưng tạo điều kiện cho anh trong việc thăm nom con chung sau khi ly hôn

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/8/2022. Nội dung đơn thể hiện: chị vẫn yêu cầu ly hôn với anh T, về con chung yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh T thỏa thuận với nhau. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh T: anh có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/8/2022 nội dung đơn thể hiện: “*anh biết chị C gửi đơn yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án. Do anh bận công việc, không trực tiếp đến Tòa theo thông báo của Tòa án, yêu cầu Tòa xem xét và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật...*”

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: chị Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn xin xác nhận tạm trú ngày 17/02/2022 có xác nhận của Công an xã Vĩnh Lợi, huyện Châu Thành, An Giang thể hiện nội dung: “*anh Nguyễn Thanh T hiện đang sinh sống tại số 298, tổ 02, ấp Hòa Lợi 2, xã Vĩnh Lợi ..*” Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 BLTTDS 2015. Anh T không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên ngày 08/8/2022 anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; ngày 25/8/2022 chị C cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C và anh T

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa chị C và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND tại UBND xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang số 54/2014 quyển số 01/2014 ngày 09/6/2014 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C với anh T. Mục đích tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ; Tuy nhiên, chị C vẫn giữ yêu cầu ly hôn; anh T có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị C đồng ý ly hôn. Điều này, thể hiện cả hai không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy cả chị C, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của chị C có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hữu Tài, sinh ngày 11/4/2014. Hiện con chung do chị C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Đồng thời, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 18/4/2022 của cháu Tài thể hiện nội dung cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ là chị C. Văn bản ý kiến ngày 08/8/2022 của anh T thể hiện ý kiến đồng ý giao con chung cho chị C tiếp tục chăm sóc. Do đó, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, được HĐXX xem xét chấp nhận. Chị C phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu. HĐXX không xem xét cấp dưỡng nuôi con chung

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị C, anh T có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Chị C được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54/2014 quyển số 01/2014 ngày 09/6/2014 tại UBND xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Nguyễn Hữu Tài, sinh ngày 11/4/2014. Chị C phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu. HĐXX không xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003046 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (chị C đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang